TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SƠN TÂY,** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /2022/QĐST-DS	*Sơn Tây, ngày 10 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 6, Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Gia C, sinh năm: 1933.

ĐKHKTT: Số 61, ngõ 98B phố H, phường X, thị xã S, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Gia Đ, sinh năm: 1961.

ĐKHKTT: Số 61, ngõ 98B phố H phường X, thị xã S, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957

HKTT: Số nhà 49 ngõ 98B, phố H, phường X, thị xã S, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960

HKTT: Xóm B, xã X, thị xã S, thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Gia T, sinh năm: 1963

HKTT: Số nhà 06, hẻm 33, ngách 2 ngõ 121B, phố H, phường X, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1967

HKTT: Số nhà 7, ngách 36, ngõ 98C, phố H, phường X, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1972

HKTT: Xóm B, xã X, thị xã S, thành phố Hà Nội.

6. Anh Mai Đình S, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số nhà 127/27 đường N, tổ 2, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1975

HKTT: Số nhà 4, hẻm 33, ngách 2, ngõ 121B, phố H, phường X, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

8. Bà Quách Thị H, sinh năm: 1972

KHTT: Tổ 34, phường X, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Bà H, bà H, ông T, bà V, bà V, bà M đều ủy quyền cho ông Nguyễn Gia C, theo Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 11 năm 2021, số công chứng 8547, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGĐ Văn phòng Công chứng Nguyễn Luyện, địa chỉ: Số 180 đường Lạc Trị, tổ dân phố 03, thị trấn Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Xác định diện tích đất các đương sự thỏa thuận chia thừa kế theo pháp luật là 2734 m^2, thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ 08, diện tích 3415.7m^2, hình thức sử dụng riêng là 3415.7m^2, hình thức sử dụng chung: không; mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị là 300m^2, đất trồng cây lâu năm 3115.7 m^2, thời hạn sử dụng đất: 300m^2, sử dụng lâu dài; 3115.7 m^2 sử dụng đến ngày 15/10/2043; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận QSD đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận QSD đất đã được UBND thị xã Sơn Tây cấp số AB772878 ngày 14/9/2005 đứng tên trong Giấy chứng nhận QSD đất là ông Nguyễn Gia C. Địa chỉ thửa đất được ghi trong Giấy chứng nhận QSD đất, Thôn Mỹ Trung, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây (nay là: số 61, ngõ 98B phố Hữu Nghị, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội).

Xác định những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông, bà: ông Nguyễn Gia C, ông Nguyễn Gia Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Gia T, bà Nguyễn Thị V, ông Mai Đình S, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị M. Ông Mai Đình S tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế được yêu cầu chia trong vụ án.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận chia và nhận phần di sản thừa kế bằng hiện vật, cụ thể: Chia diện tích đất là 2734 m^2, thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ 08, diện tích 3415.7m^2, hình thức sử dụng riêng là 3415.7m^2, hình thức sử dụng

chung: không; mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị là 300m^2, đất trồng cây lâu năm 3115.7 m^2. Địa chỉ thửa đất được ghi trong Giấy chứng nhận QSD đất Thôn Mỹ Trung, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây (nay là: số 61, ngõ 98B phố Hữu Nghị, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội) làm 08 phần cho ông Nguyễn Gia C, ông Nguyễn Gia Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Gia T, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị M.

Trong đó thì các kỷ phần được chia đều có đất ở và đất trồng cây lâu năm. Các đương sự đều không yêu cầu chia tài sản có trên đất, các bên nhận kỷ phần không phải thanh toán giá trị tài sản nếu có trên đất cho nhau. Cụ thể mỗi người thừa kế được nhận như sau (có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo Quyết định này):

+ Kỷ phần chia cho ông Nguyễn Gia C là diện tích 811, 3 m^2 (Là thửa số 10-1, tờ bản đồ số 8) trong đó: đất ở (ODT) là 65.0 m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 746.3 m^2. Diện tích cấp GCN được giới hạn bởi các điểm 1, 1a, 9d, 9c, 9b, 9a, 10, 11, 12, 1. Ông Nguyễn Gia C sở hữu nhà trên diện tích đất này.

+ Kỷ phần chia cho ông Nguyễn Gia Đ là diện tích 456, 2 m^2 (là thửa số 10-2, tờ bản đồ số 8) trong đó: đất ở (ODT) là 55.0 m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 401.2 m^2. Diện tích cấp GCN được giới hạn bởi các điểm 1a, 1b, 8c, 9, 9a, 9b, 9c, 9d, 1a. Ông Nguyễn Gia Đ sở hữu nhà trên diện tích đất này.

+ Kỷ phần chia cho bà Nguyễn Thị H là diện tích 244, 1 m^2 (là thửa số 10-3, tờ bản đồ số 8) trong đó: đất ở (ODT) là 30.0 m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 214.1 m^2. Diện tích cấp GCN được giới hạn bởi các điểm 1b, 1c, 8b, 8c, 1b.

+ Kỷ phần chia cho bà Nguyễn Thị H là diện tích 245, 6 m^2 (là thửa số 10-4, tờ bản đồ số 8) trong đó: đất ở (ODT) là 30.0 m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 215.6 m^2. Diện tích cấp GCN được giới hạn bởi các điểm 1c, 1d, 8a, 8b, 1c.

+ Kỷ phần chia cho ông Nguyễn Gia T là diện tích 244, 4 m^2 (là thửa số 10-5, tờ bản đồ số 8) trong đó: đất ở (ODT) là 30.0 m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 214.4 m^2. Diện tích cấp GCN được giới hạn bởi các điểm 1d, 1e, 7b, 8, 8a, 1d.

+ Kỷ phần chia cho bà Nguyễn Thị V là diện tích 244, 1 m^2 (là thửa số 10-6, tờ bản đồ số 8) trong đó: đất ở (ODT) là 30.0 m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 214.1 m^2. Diện tích cấp GCN được giới hạn bởi các điểm 1e, 1g, 7a, 7b, 1e.

+ Kỷ phần chia cho bà Nguyễn Thị V là diện tích 244, 1 m^2 (là thửa số 10-7, tờ bản đồ số 8) trong đó: đất ở (ODT) là 30.0 m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 214.1 m^2. Diện tích cấp GCN được giới hạn bởi các điểm 1g, 1h, 6b, 7, 7a, 1g.

+ Kỷ phần chia cho bà Nguyễn Thị M là diện tích 244, 2 m^2 (là thửa số 10-8, tờ bản đồ số 8) trong đó: đất ở (ODT) là 30.0 m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 214.2 m^2. Diện tích cấp GCN được giới hạn bởi các điểm 1h, 1i, 6a, 6b, 1h.

Đối với diện tích đất CLN là 681.7 m^2 không yêu cầu chia thừa kế (là thửa số 10-9) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ 08, theo Giấy chứng nhận QSD đất số AB772878 đã được UBND thị xã Sơn Tây,tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội), cấp ngày 14/9/2005 đứng tên trong Giấy chứng nhận QSD đất là ông Nguyễn Gia C.

- Về án phí: Ông Nguyễn Gia C là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ông Nguyễn Gia Đ phải nộp 5.107.095 đồng (*năm triệu một trăm linh bảy nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*); Bà Nguyễn Thị H phải nộp 2.767.195 đồng (*hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm chín mươi lăm đồng*). Bà Nguyễn Thị H phải nộp 2.773.120 đồng (*hai triệu bảy trăm bảy ba nghìn một trăm hai mươi đồng*). Ông Nguyễn Gia T phải nộp 2.768.380 đồng (*hai triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm tám mươi đồng*). Bà Nguyễn Thị V phải nộp 2.767.195 đồng (*hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm chín mươi lăm đồng*). Bà Nguyễn Thị V phải nộp 2.767.195 đồng (*hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm chín mươi lăm đồng*). Bà Nguyễn Thị M phải nộp 2.767.590 đồng (*hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lã Hùng Cường